新潟ベトナム協会規約

Nội quy Hiệp hội Niigata Việt Nam

第１章　総 則
Chương 1　Quy định chung

（名称）
(Tên gọi)
第１条　本組織は、新潟ベトナム協会（以下「本協会」という。）と称する。
Điều 1 Tổ chức này có đặt tên Hiệp hội Niigata Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Hiệp hội này").

（事務所）
(Văn phòng)
第２条　本協会は、事務所を新潟県新潟市に置く。
Điều 2 Hiệp hội này có văn phòng đặt tại thành phố Niiagta, tỉnh Niigata.

第２章　目的 及び 事業
Chương 2　Mục đích và Nghiệp vụ

（目的）
(Mục đích)
第３条　本協会は、ベトナムとの相互理解を図り友好を促進すると共に、
社会の相互発展と経済の交流に資することを目的とする。
Điều 3 Hiệp hội này có mục đích tìm hiểu song phương và thúc đẩy quan hệ hữu hảo với Việt Nam, đồng thời đóng góp vào giao lưu kinh tế, phát triển xã hội của cả hai bên.

（事業）
(Nghiệp vụ)
第４条　本協会は、前条の目的を達成するため、次の事業を行う。
Điều 4 Hiệp hội này thực hiện những nghiệp vụ dưới đây nhằm đạt được mục đích đã nêu ở điều trên.

（1）ベトナムとのビジネス交流に関する事業
(1) Nghiệp vụ liên quan đến giao lưu kinh tế với Việt Nam

（2）会員間及びベトナムとの連携を深めるための各種行事
(2) Các nghiệp vụ thắt chặt mối quan hệ giữa các thành viên cũng như với phía Việt Nam

（3）経済代表団等の派遣・受け入れ
(3) Phái cử, tiếp nhận các đoàn đại biểu kinh tế

（4）ビジネスセミナー等の開催
(4) Tổ chức hội thảo kinh tế

（5）その他

(5) Các nghiệp vụ khác

第 3 章　会員 及び 会費
Chương 3　Hội viên và Hội phí

（会員）
(Hội viên)

第 5 条　本協会の会員は、次の 3 種類とする。
Điều 5 Hội viên của Hiệp hội này có 3 thành phần

（1）個人会員
(1) Hội viên cá nhân

（2）法人会員
(2) Hội viên pháp nhân

（3）特別会員（理事会にて指名したもの）
(3) Hội viên đặc biệt (được chỉ định thông qua đại hội BCH)

（会費）
(Hội phí)

第 6 条　正会員は次の 2 種類とし、次の年会費を納めなければならない。
Điều 6 Hội viên chính thức có 2 thành phần dưới đây, phải đóng hội phí năm tiếp theo.

（1）　個人会員 一口 5,000 円（ただし、役員は 2 口以上とする）
(1) Hội viên cá nhân 5,000JPY/suất (thành viên BCH đóng 2 suất trở lên)

（2）　法人会員 一口 10,000 円（ただし、役員は 2 口以上とする）
(2) Hội viên pháp nhân 10,000JPY/suất (thành viên BCH đóng 2 suất trở lên)

2　特別会員は、会費を納めることを要しない。
2. Hội viên đặc biệt không phải đóng hội phí

3　納められた会費は、いかなる事由があっても返還しない。
3. Hội phí đã đóng không được hoàn lại với bất kỳ lý do nào

第 4 章　役員 等 及び 事務局
Chương 4　Ban chấp hành và Phòng tổ chức

（役員）
(Ban chấp hành)

第 7 条　役員の構成は、次の通りとする。
Điều 7 BCH được cấu thành như dưới đây

（1）会長　1 名
(1) Hội trưởng: 1 người
（2）顧問　若干名

(2) Cố vấn: vài người

（3）相談役 若干名
(3) Cán bộ tư vấn: vài người

（4）副会長 15 名以内
(4) Hội phó: tối đa 15 người

（5）理事　20 名以内
(5) Cán bộ thường trực: tối đa 20 người

（6）監事　2 名以内
(6) Quan sát viên: tối đa 2 người

（役員の選任）
(Bầu BCH)
第 8 条　役員は、総会において会員から選出する。
Điều 8 BCH được hội viên lựa chọn ở Đại hội

（役員の任期）
(Nhiệm kỳ BCH)
第 9 条　役員の任期は、２年とする。但し、再任を妨げない。
Điều 9 Nhiệm kỳ BCH là 2 năm. Không giới hạn tái nhiệm.

2 補欠又は増員によって就任した役員の任期は、それぞれの前任者又は現任者の任期の残存期間とする。
2. Tùy việc bổ quyết hay tăng thành viên mà thời hạn nhiệm kỳ của thành viên BCH khóa trước sẽ là thời hạn còn lại của thành viên khóa hiện tại.

3 役員は、その任期満了後でも後任者が就任するまでは、なおその職務を行う。
3. Khi kết thúc nhiệm kỳ, khi chưa có người kế nhiệm thì thành viên BCH khóa hiện tại vẫn tiếp tục công việc.

（役員の職務）
(Nhiệm vụ của BCH)
第 10 条　会長は、本協会を代表し、会務を総理する。
Điều 10 Hội trưởng đại điện Hiệp hội này, quản lý tổng thể.

2 副会長は、会長を補佐し、会長に事故があるとき又は欠けたときは、その職務を代行する。
2. Hội phó hỗ trợ Hội trưởng, giải quyết thay khi Hội trưởng có vấn đề hoặc vắng mặt

3 理事は、理事会を構成し、業務を執行する。
3. Cán bộ thường trực tổ chức Đại hội thường trực và đảm nhiệm các công việc liên quan.

4 監事は、本協会の業務の執行状況及び会計を監査する。
4. Quan sát viên thẩm tra tình trạng thực hiện nhiệm vụ và báo cáo tài chính của Hiệp hội

（事務局）
(Phòng tổ chức)

第 11 条　本協会の事業を行うため、事務局を置く。
Điều 11 Thành lập phòng tổ chức để thực hiện nghiệp vụ của Hiệp hội

2 事務局長は、会長が指名し、事業の実施運営を統括する。
2. Trưởng phòng tổ chức do Hội trưởng chỉ định, bao quát nghiệp vụ.

第 5 章　会 議
Chương 5　Hội nghị

（総会）
(Đại hội)
第 12 条　総会は、正会員をもって構成する。
Điều 12 Đại hội do các thành viên chính thức tiến hành.

2 総会は、通常総会及び臨時総会の２種類とする。
2. Đại hội có hai loại, định kỳ và không định kỳ.

3 通常総会は、年１回開催し、会長が必要と認めた場合は、臨時総会を開催することができる。
3. Đại hội định kỳ tiến hành một năm một lần. Trường hợp được Hội trưởng chấp nhận có thể tiến hành đại hội không định kỳ.

4 総会においては、次の議決を行う。
4. Đại hội tiến hành nghị quyết các nội dung dưới đây.

（1）会則の変更
(1) Thay đổi nội quy Hội

（2）事業報告及び収支決算
(2) Báo cáo nghiệp vụ và quyết toán thu chi

（3）事業計画及び収支予算並びにその変更
(3) Kế hoạch làm việc và dự toán thu chi, các thay đổi nếu có

（4）会長の選任又は解任、職務
(4) Bầu cử, bãi nhiệ, bổ nhiệm Hội trưởng

（5）会費の額
(5) Mức hội phí

（6）その他運営に関する重要事項
(6) Những hạng mục cần thiết khác

5 総会は、理事会の決定に基づき、会長が召集する。
5. Đại hội do Hội trưởng đứng ra kêu gọi dựa trên quyết định tại cuộc họp của cán bộ thường trực.

6 総会の議長は、会長が務める。
6. Hội trưởng đảm nhiệm vai trò Nghị trưởng của Đại hội

7　総会の議決は、出席者の過半数をもって議決する。可否同数のときは、議長が決する。
7. Nghị quyết của Đại hội được quyết định theo quá bán số người tham gia.
Nếu số phiếu thuận và chống bằng nhau thì Nghị trưởng sẽ quyết định.

8 法人会員及び個人会員は、委任状を提出することにより、議決権を行使することができる。
8. Hội viên pháp nhân và hội viên cá nhân có thể thực hiện quyền nghị quyết bằng việc gửi giấy ủy quyền.

（理事会）
(Cuộc họp cán bộ thường trực)
第 13 条　理事会は、会長・副会長・理事をもって構成する。
Điều 13 Cuộc họp cán bộ thường trực do Hội trưởng, Hội phó, cán bộ thường trực tiến hành.

2 理事会においては、次の議決を行う。
2. Cuộc họp cán bộ thường trực tiến hành nghị quyết các nội dung dưới đây

（1）総会に付議すべき事項
(1) Các hạng mục cần nghị quyết thêm sau Đại hội

（2）総会の議決した事項の執行に関する事項
(2) Các hạng mục liên quan đến việc thực hiện các nội dung đã quyết định ở Đại hội

（3）その他総会の議決を要しない業務の執行に関する事項
(3) Các hạng mục cần thiết khác

3 理事会は、会長が必要と認めたとき及び理事総数の３分の２以上からの召集請求があったときに会長が召集し、開催する。
3. Cuộc họp cán bộ thường trực do Hội trưởng đứng ra kêu gọi hội viên tham gia khi Hội trưởng nhận thấy cần thiết và khi có trên 2/3 số lượng cán bộ thường trực yêu cầu tổ chức.

4 理事会の議長は、会長が務める。
4. Hội trưởng đảm nhiệm vai trò Nghị trưởng của Cuộc họp cán bộ thường trực

5 理事会の議決は、出席理事の過半数をもって議決する。可否同数のときは、議長が決する。
5. Nghị quyết của Cuộc họp cán bộ thường trực được quyết định theo quá bán số người tham gia. Nếu số phiếu thuận và chống bằng nhau thì Nghị trưởng sẽ quyết định.

6　理事は、理事会に欠席するときには委任状を提出し、議決権を行使することができる。
6. Cán bộ thường trực có thể thực hiện quyền nghị quyết bằng việc gửi giấy ủy quyền.

第 6 章　会 計
Chương 6　Kế toán

（会計年度等）
(Năm tài chính kế toán)
第 14 条　本協会の運営に必要な経費は、会費、寄付金及びその他の収入をもって充てる。
Điều 14 Kinh phí cần thiết để Hiệp hội hoạt động là hội phí, tiền ủng hộ và các khoản thu khác.

第 15 条　本協会の会計年度は、毎年 9 月 1 日に始まり、翌年の 8 月 31 日に終わる。

Điều 15 Năm tài chính kế toán của Hiệp hội bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 8 năm kế tiếp.

第 7 章　雑 則
Chương 7　Phụ lục

（その他の必要事項）
(Các hạng mục khác)

第 16 条　本規則の施行について必要な事項は、会長が理事会の議決を経て定める。

Điều 16 Các hạng mục cần thiết để thực hiện nội quy này được Hội trưởng quyết định thông qua nghị quyết ở cuộc họp cán bộ thường trực.

第 17 条　本規約は、総会の議決により改正することができる。

Điều 17 Nội quy này có thể được cải chính dựa theo nghị quyết ở Đại hội